

TỔNG QUAN VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI KINH TẾ CÁ THỂ, TIÊU CHỦ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Quan niệm về kinh tế cá thể, tiêu chủ

Trong sự phân định các thành phần kinh tế thời kỳ quá độ, theo V.I Lê Nin không có khái niệm “kinh tế cá thể, tiêu chủ” mà được ông sử dụng bằng khái niệm “kinh tế sản xuất hàng hoá nhỏ”.

Khái niệm kinh tế sản xuất hàng hoá nhỏ ở Việt Nam trong thời kỳ cải tạo XHCN ở miền Bắc từ năm 1958, ở miền Nam sau năm 1975 được sử dụng để chỉ loại hình kinh tế của những người nông dân, thợ thủ công, những người làm thương nghiệp nhỏ. Đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12/1986) Đảng ta vẫn sử dụng thuật ngữ „ kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa“ để chỉ bộ phận kinh doanh nhỏ ở quy mô gia đình. Đại hội VII (năm 1991) thì thuật ngữ kinh tế cá thể đã được sử dụng, coi đó là một thành phần của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Song lúc bấy giờ thuật ngữ kinh tế „tiêu chủ“ chưa được sử dụng gắn với kinh tế cá thể để cùng hàm ý nói về bộ phận kinh tế sản xuất hàng hoá nhỏ. Chỉ đến Đại hội lần thứ VIII (năm 1996) thuật ngữ „Kinh tế cá thể, tiêu chủ“ mới chính thức được sử dụng coi như là một thành phần trong cơ cấu 5 thành phần mà Đại hội VIII xác định. Đại hội IX (năm 2001) xác định cơ cấu kinh tế bao gồm 6 thành phần thì trong đó kinh tế cá thể, tiêu chủ vẫn được coi là một thành. Đến Đại hội lần thứ X (năm 2006) bộ phận kinh tế cá thể, tiêu chủ vẫn được khẳng định vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ, song ở Đại hội lần này, kinh tế cá thể, tiêu chủ chỉ được xem là một bộ phận cấu thành của thành phần kinh tế tư nhân. Xét về bản chất, kinh tế cá thể, tiêu chủ là kinh tế tư nhân nhưng là kinh tế tư nhân dựa trên hình thức tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất và vốn kinh doanh.

Sách giáo khoa Kinh tế chính trị Mác – Lê Nin (Dùng cho khối ngành kinh tế và quản trị kinh doanh trong các trường Đại học và Cao đẳng) xuất bản năm 2005 đã giải thích sự khác biệt giữa kinh tế cá thể và kinh tế tiêu chủ như sau:

Kinh tế cá thể là hình thức kinh tế dựa trên trên tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất và khả năng lao động của bản thân người lao động và gia đình.

Kinh tế tiểu chủ cũng là hình thức kinh tế dựa trên tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất nhưng có thuê mướn lao động, tuy nhiên, thu nhập chủ yếu vẫn sức lao động và vốn của bản thân và gia đình.

Từ lịch sử hình thành và các quan niệm đã nêu trên, theo tác giả, có thể diễn đạt một các khái quát về kinh tế cá thể, tiểu chủ như sau: ***Kinh tế cá thể, tiểu chủ là một bộ phận cấu thành của thành phần kinh tế tư nhân, dựa trên quan hệ tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất và vốn kinh doanh, tồn tại phổ biến dưới hình thức các hộ kinh doanh trên quy mô gia đình.***

Xét về quy mô, ở Việt Nam hiện nay, kinh tế cá thể, tiểu chủ được xếp vào loại hình kinh doanh nhỏ.

2. Đặc điểm của kinh tế cá thể, tiểu chủ

- Kinh tế cá thể, tiểu chủ là loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh mang tính chất gia đình chứa đựng những khả năng lớn của sáng kiến cá nhân. ở đây, nguyên tắc kinh doanh, theo đuổi mục tiêu doanh lợi kết hợp hài hòa với các giá trị gia đình. Những thành viên trong hộ gắn bó với nhau bằng quan hệ ruột thịt, nên có tính cộng đồng, trách nhiệm cao dễ thống nhất. Ngoài các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chủ hộ cũn quan tâm đến việc học hành, giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật cho các thành viên để hướng tới sự thành đạt.

- Về quan hệ sản xuất: Mặc dù dựa trên quan hệ tư hữu về tư liệu sản xuất và vốn kinh doanh, nhưng vì là tư hữu nhỏ trên quy mô gia đình nên quan hệ quản lý trong các hộ kinh doanh cá thể và tiểu chủ là trực tuyến, bỏ qua các khâu trung gian, nên rất chặt chẽ, hiệu quả. Chất lượng sản phẩm, thương hiệu hàng hóa được quan tâm đầu tiên, bởi nó tạo nên chữ tín của gia đình. Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về thuế đối với nhà nước, quan hệ phân phối thu nhập giữa những người lao động trong hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận về lợi ích kinh tế, mang tính chất như là phân phối lợi ích trong gia đình, vì vậy gần như không tồn tại mâu thuẫn giữa chủ và người lao động. Ngay cả đối với các hộ tiểu chủ, mặc dù có tuyển thêm lao động ngoài gia đình, nhưng về cơ bản cả chủ và người lao động làm việc cùng nhau, từ chia sẻ công việc đến chia sẻ về lợi ích, nên về cơ bản về cơ bản không tồn tại quan hệ bóc lột trong phân phối thu nhập.

- Mọi tiềm năng trí tuệ, kinh nghiệm quản lý, tay nghề, bí quyết, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh... được tích lũy qua nhiều đời. Đây là tiềm năng "chất xám" quan trọng của kinh tế cá thể, tiểu chủ được phát huy.

- Quy mô của kinh tế cá thể, tiểu chủ vừa và nhỏ nên dễ tổ chức sản xuất, kinh doanh, ít tốn kém, dễ thích nghi. Nó có khả năng huy động mọi nguồn lực phân tán như vốn, lao động, đất đai, tài nguyên thiên nhiên, thiết bị kỹ thuật... kết hợp lại với nhau, qua đó giải quyết việc làm cho đông đảo người lao động, tăng thu nhập, tăng tích lũy, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo cơ hội cho người lao động tham gia vào quá trình sản xuất, tiêu sản xuất và hưởng thụ các thành quả tăng trưởng nền kinh tế.

3. Vai trò của kinh tế cá thể, tiểu chủ đối với sự phát triển của kinh tế thị trường.

Khu vực kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển cả về số hộ và quy mô, ngành nghề kinh doanh, nhiều hộ phát triển thành các doanh nghiệp. Sự phát triển kinh doanh khu vực ngoài quốc doanh nói chung, hộ kinh doanh nói riêng đã góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và đang trở thành một lực lượng kinh tế quan trọng thể hiện qua những vai trò chủ yếu sau:

- Kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Số liệu thu thập được cho thấy, liên tục từ năm 2001 đến 2007 nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì được tốc độ tăng trưởng GDP ổn định ở mức khá, trung bình khoảng 7,5%/năm, trong đó tỷ trọng của kinh tế cá thể, tiểu chủ trong GDP được duy trì tương đối ổn định, khoảng gần 30% GDP. Điều này thể hiện đóng góp của kinh tế cá thể, tiểu chủ vào tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, nếu tính từ năm 2010 đến năm 2013 nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế nhưng tỷ trọng kinh tế cá thể, tiểu chủ trong GDP được duy trì ổn định khoảng 32,26% GDP. So với giai đoạn 2001-2007 thì thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ vẫn có hướng tăng trưởng ổn định khoảng 2,26%/năm. Các số liệu trong bảng dưới đây sẽ cho thấy rõ điều đó.

Bảng 1.1. Đóng góp của kinh tế cá thể vào GDP

Nghìn tỷ đồng - Trill. Dongs

	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	Sơ bộ 2013
TỔNG SỐ	914001	106156	12467	161604	18091	21578	27798	32454	35842

		5	69	7	49	28	80	19	62
Kinh tế Nhà nước	343883	389533	44068 7	566812	62807 4	72201 0	90845 9	10569 44	11541 32
Kinh tế ngoài Nhà nước	431548	501432	59461 7	767632	86781 0	10540 75	13697 76	16014 86	17294 35
Kinh tế tập thể	60781	67813	76000	95504	10493 7	11485 5	14362 0	16213 5	18092 0
Kinh tế tư nhân	77731	95353	12080 0	165347	18922 6	23217 9	30329 8	36141 7	39195 5
Kinh tế cá thể	293036	338265	39781 7	506780	57364 7	70704 1	92285 8	10779 34	11565 60
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	138570	170600	21146 5	281604	31326 5	38174 3	50164 5	58698 9	70069 5

- Kinh tế cá thể, tiểu chủ phát triển góp phần quan trọng giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Tính đến thời điểm năm 2005, khu vực hộ cá thể công thương nghiệp và dịch vụ đã thu hút khoảng trên 5 triệu lao động, bình quân mỗi năm thu hút tăng thêm từ 250 đến 300 ngàn người. Nếu so sánh với khu vực kinh tế nhà nước thu hút khoảng 2,2 triệu lao động, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài thu hút khoảng 0,9 triệu lao động và khu vực doanh nghiệp NQD thu hút khoảng 2 triệu lao động thì số lượng lao động của khu vực hộ cá thể là đáng kể. - Kinh tế cá thể, tiểu chủ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ phát triển tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, số thu của khu vực hộ cá thể kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng qua các năm.

TTBD ĐBDC

Đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên). Kể từ khi Luật Doanh nghiệp được ban hành năm 1999 và có hiệu lực từ năm 2000, các loại hình doanh nghiệp nói chung cũng như doanh nghiệp nhỏ và vừa nói riêng đã phát triển tương đối nhanh về số lượng. Nếu như năm 2000 Việt Nam có khoảng 42.288 doanh nghiệp đang hoạt động (trong đó tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 91,9%), thì đến năm 2009, con số này đã tăng lên tới 205.689 doanh nghiệp (trong đó tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tới 97,1%). Chỉ tính riêng từ năm 2000 đến năm 2004 cả nước đã có gần 120.000 doanh nghiệp được thành lập, trong đó chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Điểm đáng chú ý, cơ cấu về quy mô của

loại hình doanh nghiệp này có sự biến động. Nếu phân theo tiêu chí lao động, trong giai đoạn 2000-2010, tỷ lệ doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ có chiều hướng gia tăng mạnh, từ mức 53,5% ở năm 2000 lên tới 61,8% vào năm 2009; trong khi đó xu hướng suy giảm tỷ trọng lại diễn ra trong cả nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ (giảm 1% xuống mức chỉ còn 33%) và nhóm doanh nghiệp có quy mô vừa (giảm khoảng 2,2% xuống mức 2,2%). Điều này cho thấy, trong bối cảnh quy mô nền kinh tế Việt Nam còn nhỏ, thì những doanh nghiệp có số lượng lao động từ 10 người trở xuống phù hợp hơn.

- Kinh tế hộ cá thể, tiểu chủ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ phát triển góp phần tăng thu nhập cho người lao động, góp phần xoá đói giảm nghèo, giữ gìn an ninh trật tự xã hội...

- Ngoài ra kinh tế cá thể, tiểu chủ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ phát triển còn góp phần thực hiện thành công mục tiêu kinh tế xã hội khác của Đảng và Nhà nước đề ra, trong đó có những mặt đóng vai trò tương đối quan trọng như chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xoá đói giảm nghèo, xoá bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn, củng cố an ninh, quốc phòng, khôi phục và phát triển nhiều ngành nghề truyền thống.

Trong những năm tới tiếp tục thực hiện đường lối phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, khu vực kinh tế hộ sẽ tăng mạnh, Các hộ kinh doanh cũng có sự gia tăng mạnh. Nếu năm 2006, cả nước có khoảng 2,6 triệu hộ kinh doanh, thì đến năm 2008, con số này đã lên tới 3,87 triệu hộ, tạo việc làm cho khoảng 6,7 triệu lao động. Nếu so sánh trong tổng số 205.689 doanh nghiệp, tạo việc làm cho 8,15 triệu lao động, thì có thể thấy về mặt tạo việc làm, các hộ kinh doanh có vai trò quan trọng không kém các doanh nghiệp, trong đó tạo khoảng 45% việc làm phi nông nghiệp. Tuy vậy, thực tế cho thấy, sự phát triển của các hộ kinh doanh còn hạn chế. Quy mô vốn và lao động còn nhỏ và thay đổi rất ít qua các năm. Hầu hết các hộ (khoảng 97,9%) chỉ có từ 5 lao động trở xuống, và có tới 56% số hộ chỉ có 1 lao động. Tỷ lệ hộ có đăng ký kinh doanh cũng còn thấp. Nếu như năm 2002 có 30,9% hộ có đăng ký kinh doanh, thì đến năm 2007 chỉ là 27,5% và chỉ có khoảng 25% hộ kinh doanh có nộp thuế. Trình độ của chủ hộ kinh doanh cũng rất hạn chế. Có tới gần 90% chủ hộ kinh doanh chưa có trình độ giáo dục từ trung học phổ thông trở lên. Đây là một trong những nguyên nhân làm cho môi trường của các hộ kinh doanh gặp nhiều khó khăn và gây ra những trở lực cho sự phát triển của các hộ này.

Nhìn tổng thể, mặc dù quy mô vốn đầu tư ban đầu của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa và các hộ kinh doanh không lớn nhưng chúng được phát triển rộng khắp trên tất

cả các vùng miền trong cả nước. Khu vực kinh tế này cũng tham gia vào hầu hết các ngành nghề trong nền kinh tế quốc dân, qua đó góp phần tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho đông đảo người dân. Trên cơ sở đó khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa và các hộ đăng ký kinh doanh được đánh giá có vai trò đặc biệt quan trọng về tạo công ăn việc làm (chủ yếu cho những lao động phổ thông). Năm 2010, khu vực kinh tế này đã tạo được khoảng 70% việc làm phi nông nghiệp, và đóng góp khoảng 10% GDP cả nước, góp phần quan trọng vào quá trình bảo đảm an sinh xã hội.

4. Chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ.

4.1. Chính sách thuế.

Thuật ngữ **chính sách** được sử dụng phổ biến trên sách báo, các phương tiện thông tin và đời sống xã hội. Theo quan niệm phổ biến, chính sách là phương thức hành động được một chủ thể khẳng định và thực hiện nhằm giải quyết những vấn đề lặp đi lặp lại. Chính sách xác định những chỉ dẫn chung cho quá trình ra quyết định. Chúng vạch ra phạm vi hay giới hạn cho phép của các quyết định, nhắc nhở các nhà quản lý những quyết định nào có thể và những quyết định nào không thể. Bằng cách đó các chính sách hướng suy nghĩ và hành động của mọi thành viên trong tổ chức vào thực hiện mục tiêu chung của tổ chức.

Kết hợp quan niệm về chính sách với quan niệm về thuế như đã trình bày ở trên có thể hiểu: *chính sách thuế là hệ thống những biện pháp, những quy định, những công cụ mà Nhà nước ban hành để giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước với các tổ chức và cá nhân trong việc huy động các khoản đóng góp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.*

4.2. Chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ.

Trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam khung pháp lý về thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ bao gồm cả những luật lệ và quy định chung của Nhà nước trong quản lý thuế, đồng thời còn bao gồm cả những nét đặc thù được quy định ngay trong một số văn bản luật pháp hiện hành áp dụng đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ.

Vì vậy có thể hiểu chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ là *hệ thống những biện pháp, những quy định, những công cụ mà Nhà nước ban hành để giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước với các hộ kinh doanh cá thể và tiểu chủ trong việc huy động các khoản đóng góp vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.*

- Các sắc thuế hiện hành đang áp dụng phổ biến đối với các hộ kinh doanh cá thể.

+ Thuế môn bài:

+ Thuế giá trị gia tăng.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Luật thuế thu nhập cá nhân thì từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, các hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ sẽ không nộp thuế thu nhập doanh nghiệp mà chuyển sang nộp thuế thu nhập cá nhân.

Ngoài các sắc thuế phổ biến trên đây, các hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ nếu như có tham gia vào các giao dịch hoặc các hoạt động kinh tế khác thuộc diện chịu thuế theo quy định của pháp luật thì cũng phải nộp thuế theo luật định. Ví dụ: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế chuyển quyền sử dụng đất v.v..

- Nội dung của chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ bao gồm:

+ Chính sách huy động nguồn thu.

+ Chính sách xác định mức thu.

+ Chính sách về quy trình nghiệp vụ thu.

+ Chính sách quản lý thu.

+ Chính sách nuôi dưỡng nguồn thu.

4.3. Những nội dung cần tính đến trong việc ban hành chính sách thuế đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ.

- Kinh tế hộ cá thể dựa trên cơ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Theo nguyên lý người chủ sở hữu toàn quyền quyết định phân phối kết quả làm ra; đây là khác biệt căn bản giữa kinh tế hộ cá thể với kinh tế hợp tác xã và kinh tế Nhà nước. Điều này cũng khẳng định vì mục đích lợi nhuận cao hộ kinh doanh luôn tìm mọi biện pháp để đạt được kể cả buôn lậu, trốn thuế.

Mặc dù các đơn vị kinh doanh đều thuộc lũng khẩu hiệu: "nộp thuế là nghĩa vụ và quyền lợi của mọi cộng đồng", nhưng, vì lợi ích kinh tế của họ, mà mọi lực, mọi nơi họ luôn tìm cách lách luật, trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế của nhà nước. Một trong những loại thuế thường bị lợi dụng để "rút tiền" của Nhà nước đó là thuế giá trị gia tăng (GTGT). Hầu hết cơ quan thuế của các địa phương đều cho rằng, vi phạm liên

quan đến thuế GTGT là khá phổ biến, đặc biệt quản lý thuế đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các hộ kinh doanh cá thể.

- Quy mô kinh doanh của các hộ kinh doanh cá thể rất nhỏ bé, đại bộ phận hoạt động ở lĩnh vực thương nghiệp dịch vụ; số ít hoạt động ở lĩnh vực sản xuất thì chủ yếu là sản xuất thủ công, năng suất lao động thấp vì vậy mức đóng viên thuế cũng thấp.

Về vấn đề này ngày 11 tháng 4 năm 2007 Tổng cục Thuế đã phải có văn bản quy định: Cá nhân, hộ cá thể kinh doanh có thu nhập bình quân thông trong năm của mỗi người lao động dưới mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định, đối với công chức nhà nước được miễn thuế GTGT và thuế TNDN. Thủ tục được miễn giảm thuế: cá nhân, hộ cá thể KD phải có đơn đề nghị miễn thuế, giảm thuế có xác nhận của chính quyền phường, xó gửi cơ quan thuế. Đối với đơn nghỉ KD gửi trước ngày 5 hàng tháng được miễn, giảm ngay trong tháng; đối với đơn nghỉ KD vì lý do khách quan gửi đến cơ quan thuế sau ngày mùng 5 hàng tháng thì miễn, giảm thuế vào thông sau.

- Tuy quy mô nhỏ, song số lượng các hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ lại rất đông, phân tán, rải rác trên khắp các vùng miền của cả nước. Vì vậy nếu không tổ chức và quản lý tốt nguồn thu sẽ dẫn đến tình trạng thất thu thuế trên diện rộng. Theo điều tra, hiện cả nước có khoảng trên 3 triệu hộ kinh doanh cá thể, tiểu chủ, song mới chỉ khoảng 35% trong số đó có đăng ký kinh doanh. Điều này chứng tỏ công tác quản lý kinh doanh ở các cấp địa phương vẫn chưa bao quát được hết, vì vậy vẫn còn để lọt lưới nhiều đối tượng phải nộp thuế. Để khắc phục tình trạng này, đòi hỏi công tác quản lý thu thuế phải bố trí lực lượng cán bộ lớn và rộng khắp tới các địa bàn.

Các cấp ủy đảng và chính quyền các cấp cần tăng cường chỉ đạo đối với công tác thuế, coi thuế là nhiệm vụ chính trị của địa phương nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ thu NSNN hàng năm. Từ đó, cơ quan thuế chủ động phối hợp đồng bộ, hiệu quả với các cấp, ngành đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng các chính sách thuế đến mọi người dân, đến mọi địa bàn, tăng cường quản lý, giám sát và đôn đốc thu nộp thuế nhằm khai thác triệt để mọi nguồn thu, chống thất thu, bảo đảm công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế, góp phần tăng thu cho NSNN.

- So với khu vực doanh nghiệp thì ý thức tuân thủ pháp luật của hộ kinh doanh cá thể là thấp hơn. Nguyên nhân có phần do trình độ văn hoá chưa cao, nhận thức pháp luật còn hạn chế, kinh doanh thiếu bài bản nên hầu hết không thực hiện chế độ kế toán,

hoá đơn, chứng từ. Nhằm sớm chấm dứt tình trạng này ngành thuế đang riễn khai mở rộng việc áp dụng chế độ kế toán, hóa đơn chứng từ đối với các hộ kinh doanh cá thể.

Như vậy, để hiểu rõ hơn về chính sách thuế nói chung và chính sách thuế liên quan tới kinh tế cá thể, tiểu thủ hỗ trợ cho việc nghiên cứu, xây dựng chính sách theo hướng là công cụ quan trọng của Nhà nước nhằm huy động nguồn thu cho NSNN để thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội của mình, bởi trong nền kinh tế thị trường, thuế là một trong những công cụ hữu hiệu để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý, điều tiết thị trường, thúc đẩy và tăng cường sức cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế cũng như khả năng cạnh tranh của kinh tế cá thể, tiểu thủ, tạo động lực cho nền kinh tế phát triển bền vững.



TTBD ĐBDC

